

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Số: 04/2015/NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Bình Định, ngày 10 tháng 7 năm 2015*

**NGHỊ QUYẾT**

**Về việc ban hành mới, sửa đổi, bổ sung quy định một số loại phí, lệ phí  
trên địa bàn tỉnh Bình Định**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH  
KHÓA XI, KỲ HỌP THỨ 11**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị quyết số 753/2005/NQ-UBTVQH11 ngày 02 tháng 4 năm 2005 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng nhân dân;

Căn cứ Pháp lệnh Phí và Lệ phí đã được Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành ngày 28 tháng 8 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ qui định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và Lệ phí; Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và Lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09 tháng 9 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Tài chính về việc quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản;

Sau khi xem xét Tờ trình số 71/TTr-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành mới, sửa đổi, bổ sung quy định về một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Bình Định; Báo cáo thẩm tra số 09/BCTT-KT&NS ngày

03 tháng 7 năm 2015 của Ban Kinh tế và Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

### **QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Ban hành mới, sửa đổi, bổ sung một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Bình Định, gồm:

1. Ban hành mới Quy định về phí tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bình Định.

2. Ban hành mới Quy định về phí sử dụng hè đường, lòng đường, lề đường trên địa bàn tỉnh Bình Định.

3. Quy định về phí tham quan danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử, công trình văn hóa trên địa bàn tỉnh Bình Định.

4. Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai trên địa bàn tỉnh Bình Định.

5. Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn thành phố Quy Nhơn.

6. Sửa đổi, bổ sung quy định về lệ phí đăng ký cư trú trên địa bàn tỉnh Bình Định.

7. Sửa đổi, bổ sung quy định về lệ phí chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Bình Định.

*(Nội dung cụ thể có Quy định kèm theo)*

**Điều 2.** Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức thực hiện Nghị quyết.

**Điều 3.** Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

**Điều 4.** Nghị quyết này điều chỉnh, bổ sung, bãi bỏ các nội dung liên quan đã quy định tại các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, cụ thể như sau:

1. Đối với phí sử dụng hè đường, lòng đường, lề đường trên địa bàn tỉnh Bình Định: Bãi bỏ quy định về phí sử dụng lề đường (vĩa hè) tại thành phố Quy Nhơn ban hành tại Nghị quyết số 66/2003/NQ-HĐND9 ngày 10/01/2003 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa IX, kỳ họp thứ 9.

2. Đối với phí tham quan danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử, công trình văn hóa trên địa bàn tỉnh: bãi bỏ quy định về phí tham quan danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử, công trình văn hóa trên địa bàn tỉnh tại các Nghị quyết sau:

a. Khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 04/2013/NQ-HĐND ngày 26/7/2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XI, kỳ họp thứ 6 về sửa đổi, bổ sung Phí tham quan Khu du lịch Hàm Hồ;

b. Điểm 4 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 22/2011/NQ-HĐND ngày 18/8/2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XI, kỳ họp thứ 2 quy định về Phí tham quan tại Bảo tàng Quang Trung, Tháp Dương Long, Tháp Bánh Ít, Tháp Cánh Tiên;

c. Khoản 1, Điều 1 Nghị quyết số 05/2006/NQ-HĐND ngày 26/7/2006 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X, kỳ họp thứ 6 quy định về phí tham quan;

d. Nghị quyết số 90/2003/NQ-HĐND ngày 17/12/2003 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa IX, kỳ họp thứ 11 quy định về Phí tham quan danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử, công trình văn hóa.

**3.** Đối với phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai trên địa bàn tỉnh Bình Định: sửa đổi, bổ sung quy định về phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai trên địa bàn tỉnh ban hành tại Nghị quyết số 81/2003/NQ-HĐND kỳ họp thứ 10 khóa IX ngày 17/7/2003 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành bổ sung và điều chỉnh tỷ lệ để lại một số loại phí.

**4.** Đối với phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn thành phố Quy Nhơn: sửa đổi, bổ sung quy định về phí nước thải ban hành tại Nghị quyết số 06/2006/NQ-HĐND kỳ họp thứ 6 khóa X ngày 26/7/2006 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

**5.** Đối với lệ phí đăng ký cư trú và lệ phí chứng minh nhân dân: bãi bỏ quy định về lệ phí đăng ký cư trú và lệ phí chứng minh nhân dân tại mục 4, mục 5 Quy định về việc ban hành bổ sung, sửa đổi và bãi bỏ một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/2008/NQ-HĐND ngày 22/8/2008 của HĐND tỉnh.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XI, kỳ họp thứ 11 thông qua ngày 10 tháng 7 năm 2015; có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 7 năm 2015./.

**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thanh Tùng**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**QUY ĐỊNH**  
**BAN HÀNH MỚI, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ LOẠI PHÍ,**  
**LỆ PHÍ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH ĐỊNH**  
*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 04 /2015/NQ-HĐND*  
*ngày 10 tháng 7 năm 2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh)*

**I. Ban hành mới quy định về phí tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bình Định**

**1. Đối tượng nộp phí**

Tổ chức, cá nhân tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

**2. Mức thu**

**a.** Trường hợp đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực đã có kết quả thăm dò:

Giá trị quyền khai thác khoáng sản theo giá khởi điểm	Mức thu phí (đồng/hồ sơ)
Từ 01 tỷ đồng trở xuống	2.000.000
Từ trên 01 tỷ đồng đến 05 tỷ đồng	4.000.000
Từ trên 05 tỷ đồng đến 10 tỷ đồng	6.000.000
Từ trên 10 tỷ đồng đến 50 tỷ đồng	8.000.000
Từ trên 50 tỷ đồng đến 100 tỷ đồng	10.000.000
Từ trên 100 tỷ đồng	12.000.000

**b.** Trường hợp đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản:

Diện tích khu vực đấu giá	Mức thu phí (đồng/hồ sơ)
Từ 0,5 ha trở xuống	2.000.000
Từ trên 0,5 ha đến 2 ha	4.000.000
Từ trên 02 ha đến 05 ha	6.000.000

Diện tích khu vực đấu giá	Mức thu phí (đồng/hồ sơ)
Từ trên 05 ha đến 10 ha	8.000.000
Từ trên 10 ha đến 50 ha	10.000.000
Từ trên 50 ha	12.000.000

### 3. Cơ quan thu

Sở Tài nguyên và Môi trường.

### 4. Tỷ lệ % để lại cho cơ quan thu

Cơ quan thu được để lại 100% số phí thu được để chi phí cho các nội dung chi theo quy định.

## II. Ban hành mới quy định về phí sử dụng hè đường, lòng đường, lề đường trên địa bàn tỉnh Bình Định.

### 1. Đối tượng nộp phí

Các đối tượng được phép sử dụng hè đường, lòng đường, lề đường đô thị vào mục đích sản xuất, kinh doanh và các mục đích khác ngoài giao thông phù hợp với quy hoạch, kế hoạch và đúng quy định của Nhà nước về quản lý, sử dụng hè đường, lòng đường, lề đường đô thị ngoài mục đích giao thông trên địa bàn tỉnh Bình Định.

### 2. Mức thu

Nội dung thu phí	Mức thu
1. Sử dụng hè đường, lề đường để làm nơi kinh doanh, buôn bán cho hộ gia đình và cá nhân; làm bãi trông, giữ xe đạp, xe máy: mức thu được xác định theo giá đất do UBND tỉnh công bố có hiệu lực tại thời điểm cấp phép như sau:	
Giá đất từ 20 triệu đồng/ m <sup>2</sup> trở lên	6.000 đồng/m <sup>2</sup> /tháng
Giá đất từ 18 đến dưới 20 triệu đồng/m <sup>2</sup>	5.500 đồng/m <sup>2</sup> /tháng
Giá đất từ 16 đến dưới 18 triệu đồng/m <sup>2</sup>	5.000 đồng/m <sup>2</sup> /tháng
Giá đất từ 14 đến dưới 16 triệu đồng/m <sup>2</sup>	4.500 đồng/m <sup>2</sup> /tháng
Giá đất từ 12 đến dưới 14 triệu đồng/m <sup>2</sup>	4.000 đồng/m <sup>2</sup> /tháng
Giá đất từ 10 đến dưới 12 triệu đồng/m <sup>2</sup>	3.500 đồng/m <sup>2</sup> /tháng

Nội dung thu phí	Mức thu
Giá đất từ 08 đến dưới 10 triệu đồng/m <sup>2</sup>	3.000 đồng/m <sup>2</sup> /tháng
Giá đất từ 06 đến dưới 08 triệu đồng/m <sup>2</sup>	2.500 đồng/m <sup>2</sup> /tháng
Giá đất từ 04 đến dưới 06 triệu đồng/m <sup>2</sup>	2.000 đồng/m <sup>2</sup> /tháng
Giá đất từ 02 đến dưới 04 triệu đồng/m <sup>2</sup>	1.500 đồng/m <sup>2</sup> /tháng
Giá đất dưới 02 triệu đồng/m <sup>2</sup>	1.000 đồng/m <sup>2</sup> /tháng
2. Sử dụng lề đường, lòng đường làm nơi đỗ xe ô tô các loại ở những lề đường, lòng đường được phép đỗ theo quy hoạch sử dụng đất, giao thông đường bộ, đô thị:	
a. Thu theo lần đỗ	5.000 đồng/xe/lượt
b. Thu theo tháng	100.000 đồng/xe/tháng
3. Sử dụng hè đường, lề đường, lòng đường làm nơi tập kết tạm thời để trưng chuyển hàng hóa, vật liệu xây dựng, sửa chữa công trình; làm nơi tập kết tạm thời để vật tư, thiết bị phục vụ nhu cầu thi công hạ tầng kỹ thuật:	
a. Thành phố Quy Nhơn	20.000 đồng/m <sup>2</sup> /tháng
b. Các phường, thị trấn của thị xã An Nhơn, huyện Hoài Nhơn	15.000 đồng/m <sup>2</sup> /tháng
c. Thị trấn của các huyện: Vân Canh, Vĩnh Thạnh, An Lão	10.000 đồng/m <sup>2</sup> /tháng
d. Thị trấn của các huyện còn lại	13.000 đồng/m <sup>2</sup> /tháng
4. Đào, lấp hè đường, lề đường, lòng đường để thi công hạ tầng kỹ thuật	15.000 đồng/m/lần đào

### 3. Cơ quan thu

- Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (gọi chung là UBND cấp huyện).
- Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (gọi chung là UBND cấp xã).
- Phòng Quản lý đô thị/Kinh tế hạ tầng (trường hợp được UBND cấp huyện ủy quyền).

### 4. Tỷ lệ % để lại cho cơ quan thu phí

- Đơn vị thu phí thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Quy Nhơn: 10%.

- Đơn vị thu phí thuộc Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã: 30%.

### **III. Quy định về phí tham quan danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử, công trình văn hóa trên địa bàn tỉnh Bình Định.**

#### **1. Đối tượng nộp phí**

Tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước đến tham quan các danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử, công trình văn hóa trên địa bàn tỉnh Bình Định (trừ đối tượng được miễn, giảm).

#### **2. Đối tượng miễn, giảm**

##### **a. Đối tượng miễn:**

- Trẻ em dưới 6 tuổi;

- Thương binh, bệnh binh (phải có thẻ thương binh, bệnh binh).

- Người khuyết tật.

##### **b. Đối tượng giảm 50%:**

- Người được hưởng chính sách ưu đãi hưởng thụ văn hóa quy định tại Điều 2 Quyết định số 170/2003/QĐ-TTg ngày 14/8/2003 của Thủ tướng Chính phủ về “Chính sách ưu đãi hưởng thụ văn hóa”;

- Người cao tuổi;

- Trẻ em từ 6 tuổi đến dưới 15 tuổi.

- Học sinh, sinh viên đi tham quan tìm hiểu nghiên cứu, học tập có tổ chức tại Bảo tàng Quang Trung (có giấy giới thiệu của nhà trường).

Đối với người thuộc diện được hưởng nhiều trường hợp ưu đãi giảm thu phí nêu trên thì chỉ giảm 50% phí tham quan danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử, công trình văn hoá.

**3. Mức thu tối đa:** 30.000 đồng/lần/người. Mức thu này được áp dụng thống nhất đối với người Việt Nam và người nước ngoài đến tham quan.

Căn cứ mức thu tối đa này, Ủy ban nhân dân tỉnh quy định mức thu cho từng đơn vị cụ thể phù hợp với quy mô, hình thức tổ chức tham quan của từng danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử, công trình văn hóa.

#### **4. Tỷ lệ % để lại cho cơ quan, đơn vị thu**

Các đơn vị được phép thu phí tham quan danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử, công trình văn hóa trên địa bàn tỉnh được trích để lại 90% số phí thu được, 10% còn lại nộp ngân sách nhà nước theo quy định.

#### **IV. Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai trên địa bàn tỉnh Bình Định**

##### **1. Đối tượng nộp phí**

Tổ chức, cá nhân có nhu cầu khai thác và sử dụng tài liệu về đất đai của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền quản lý hồ sơ, tài liệu về đất đai.

##### **2. Các trường hợp không thu phí**

a. Cung cấp thông tin về danh mục dữ liệu có trong cơ sở dữ liệu đất đai; Thông tin về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt; Khung giá đất, bảng giá đất đã công bố; Thông tin về các thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai; Các văn bản quy phạm pháp luật về đất đai.

b. Trường hợp cung cấp dữ liệu đất đai để phục vụ cho các mục đích quốc phòng và an ninh, phục vụ yêu cầu trực tiếp của lãnh đạo Đảng và Nhà nước hoặc trong tình trạng khẩn cấp.

c. Bộ Tài nguyên và Môi trường, cơ quan tài nguyên và môi trường ở địa phương, UBND các cấp khi sử dụng dữ liệu đất đai để thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về đất đai.

##### **3. Mức thu**

Số TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu	
			Đối với tổ chức	Đối với Hộ gia đình, cá nhân
1	Hồ sơ đất đai dạng giấy			
a	Tra cứu thông tin	Hồ sơ	30.000 đồng	15.000 đồng
b	Trích lục hồ sơ	Hồ sơ	100.000 đồng	50.000 đồng
c	Trích sao hồ sơ	Hồ sơ	120.000 đồng	60.000 đồng
2	Hồ sơ đất đai dạng số			
a	Tra cứu thông tin	Hồ sơ	30.000 đồng	15.000 đồng
b	Trích lục hồ sơ	Hồ sơ	100.000 đồng	50.000 đồng
c	Trích sao hồ sơ	Hồ sơ	140.000 đồng	70.000 đồng



3	Sao thông tin chiết xuất từ cơ sở dữ liệu đất đai vào thiết bị lưu trữ:	Hồ sơ	250.000 đồng	125.000 đồng
4	Tra cứu thông tin tổng hợp về đất đai (dạng giấy và dạng số)	Hồ sơ	300.000 đồng	150.000 đồng

Mức thu nêu trên không bao gồm chi phí in ấn, sao chụp hồ sơ, tài liệu. Chi tiết nội dung cung cấp tài liệu đất đai thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

#### **4. Cơ quan thu**

- Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cấp tỉnh và cấp huyện (hoặc Văn phòng đăng ký đất đai và các Chi nhánh);
- Trung tâm Công nghệ thông tin thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường.
- UBND xã, phường, thị trấn.

#### **5. Tỷ lệ % để lại cho cơ quan thu**

Cơ quan thu được để lại 50% số phí thu được để phục vụ cho công tác thu phí, số phí còn lại 50% nộp vào ngân sách Nhà nước theo quy định.

### **V. Sửa đổi bổ sung một số quy định về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn thành phố Quy Nhơn**

#### **1. Mức thu**

Cho phép Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bình Định được tiếp tục áp dụng mức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn thành phố Quy Nhơn theo mức thu năm 2013 quy định tại Phụ lục phương án thực hiện lộ trình tăng phí nước thải, chất thải rắn ban hành kèm theo Nghị quyết số 06/2006/NQ-HĐND ngày 26/7/2006 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phương án vốn đối ứng thực hiện lộ trình tăng phí nước thải, chất thải rắn của Dự án vệ sinh môi trường thành phố Quy Nhơn cho đến khi có quy định mới thay thế (trừ hộ gia đình thuộc xã Nhơn Hải được miễn theo Nghị quyết số 25/2014/NQ-HĐND ngày 10/12/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh).

#### **2. Tỷ lệ % để lại cho đơn vị thu**

a. Điều chỉnh tỷ lệ phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt để lại cho Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bình Định từ 100% hiện nay xuống 3,5% để chi phí cho công tác thu phí, riêng khu vực dự án 9 thị trấn và xã Nhơn Hải, thành phố Quy

Nhơn vẫn thực hiện theo Nghị quyết số 25/2014/NQ-HĐND ngày 10/12/2014 của Hội đồng nhân tỉnh; số phí thu được còn lại (96,5%) nộp toàn bộ vào ngân sách tỉnh. Thời gian thực hiện bắt đầu từ ngày 01/4/2015.

**b.** Đối với phần phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt do Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bình Định thu được từ ngày 31/3/2015 trở về trước: Sau khi trừ đi các chi phí hợp lý theo quy định, phần còn lại nộp toàn bộ vào ngân sách tỉnh.

**3.** Toàn bộ số phí bảo vệ môi trường nộp ngân sách tỉnh nêu trên được sử dụng chi bổ sung mục tiêu để hỗ trợ ngân sách thành phố Quy Nhơn thực hiện việc duy tu, sửa chữa, vận hành hệ thống thoát nước đô thị theo phân cấp.

## **VI. Sửa đổi, bổ sung quy định về lệ phí đăng ký cư trú trên địa bàn tỉnh Bình Định**

### **1. Đối tượng nộp lệ phí**

Lệ phí đăng ký cư trú là khoản thu đối với người đăng ký, quản lý cư trú với cơ quan đăng ký, quản lý cư trú theo quy định của pháp luật về cư trú.

### **2. Đối tượng không thu, miễn thu**

- Không thu lệ phí đăng ký cư trú đối với các trường hợp: bố, mẹ, vợ (hoặc chồng) của liệt sĩ, con dưới 18 tuổi của liệt sĩ; thương binh, con dưới 18 tuổi của thương binh; Bà mẹ Việt Nam anh hùng; hộ gia đình thuộc diện xóa đói, giảm nghèo; công dân thuộc xã, thị trấn vùng cao theo quy định của Ủy ban Dân tộc.

- Miễn lệ phí đăng ký cư trú khi đăng ký lần đầu, cấp mới, thay mới theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với: Cấp hộ khẩu gia đình, cấp giấy chứng nhận nhân khẩu tập thể; cấp giấy đăng ký tạm trú có thời hạn.

### **3. Mức thu**

Số TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu	
			Các phường nội thành của thành phố Quy Nhơn	Khu vực khác
1	Đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú cả hộ hoặc một người nhưng không cấp sổ hộ khẩu, sổ tạm trú	Đồng/lần đăng ký	15.000	7.000

2	Cấp mới, cấp lại, đổi sổ hộ khẩu, sổ tạm trú	Đồng/lần cấp	20.000	10.000
	Riêng cấp đổi sổ hộ khẩu, sổ tạm trú theo yêu cầu của chủ hộ vì lý do Nhà nước thay đổi địa giới hành chính, tên đường phố, số nhà	Đồng/lần cấp	10.000	5.000
3	Đính chính các thay đổi trong sổ hộ khẩu, sổ tạm trú (không thu lệ phí đối với các trường hợp đính chính lại địa chỉ do Nhà nước thay đổi địa giới hành chính, đường phố, số nhà, xóa tên trong sổ hộ khẩu, sổ tạm trú)	Đồng/lần đính chính	8.000	4.000

#### 4. Cơ quan thu

- Công an thành phố Quy Nhơn;
- Công an thị xã;
- Công an xã, phường, thị trấn.

#### 5. Tỷ lệ % để lại cho cơ quan thu

- Công an các phường nội thành của thành phố Quy Nhơn và công an thành phố Quy Nhơn: 50%.
- Công an xã, thị trấn, công an các phường ngoại thành của thành phố Quy Nhơn, công an các phường của thị xã và công an thị xã: 100%.

### VII. Sửa đổi, bổ sung quy định về lệ phí chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Bình Định

#### 1. Đối tượng nộp lệ phí

Lệ phí chứng minh nhân dân là khoản thu đối với người được cơ quan công an cấp chứng minh nhân dân.

#### 2. Đối tượng không thu, miễn thu

- Không thu lệ phí chứng minh nhân dân đối với các trường hợp: bố, mẹ, vợ (hoặc chồng) của liệt sĩ, con dưới 18 tuổi của liệt sĩ; thương binh, con dưới 18 tuổi

của thương binh; công dân thuộc xã, thị trấn vùng cao theo quy định của Ủy ban Dân tộc.

- Miễn lệ phí cấp chứng minh nhân dân khi đăng ký lần đầu, cấp mới, thay mới theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

### 3. Mức thu

Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu	
		Các phường nội thành của thành phố Quy Nhơn	Khu vực khác
Cấp lại, đổi chứng minh nhân dân (không bao gồm tiền ảnh của người được cấp chứng minh nhân dân)	đồng/lần cấp	9.000	4.000

### 4. Cơ quan thu

- Công an tỉnh (Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội);
- Công an các huyện, thị xã, thành phố Quy Nhơn.

### 5. Tỷ lệ % để lại cho cơ quan thu

- Công an tỉnh: 100%;
- Công an các huyện, thị xã, thành phố Quy Nhơn: 100%.